

# CHÂU ÂU CÓ THỂ VƯỢT NỀN KINH TẾ MỸ?

Robert C. Pozen

**H**ầu hết người Mỹ đều cho rằng Hoa Kỳ vượt xa Châu Âu về kinh tế. Trong hơn 30 năm qua, thu nhập bình quân đầu người (dựa trên tỷ suất ngang bằng sức mua) ở Mỹ luôn cao hơn 30% so với ở 15 nước "phương Tây" của Liên minh châu Âu (EU15). Trong thập kỷ vừa qua, nền kinh tế Mỹ đã phát triển nhanh hơn nhiều so với EU15, và các xu hướng nhân khẩu học cho thấy sự khác biệt này sẽ còn tiếp diễn.

Tuy nhiên, vừa qua việc Liên minh châu Âu kết nạp thêm 10 nước thành viên đã mang lại cho EU cơ hội vượt qua một số kiểm chế quan trọng trong nền kinh tế của họ. Trong khi đó, việc sản lượng luôn tăng cao của Mỹ (định hướng nền kinh tế Mỹ trong những năm vừa qua) có vẻ như không thể tiếp tục với một tỷ lệ như vậy, trong khi tỷ lệ tăng sản lượng chậm chạp của EU15 có thể được cải thiện nhanh chóng. Nếu như EU có thể hợp nhất thành công EU10, và nước Mỹ không tìm ra được giải pháp tăng sản lượng mới thì khi đó, lần đầu tiên kể từ năm 1970 khoảng cách kinh tế giữa Liên minh Châu Âu và Mỹ sẽ bắt đầu thu hẹp.

## *Các lợi thế của Mỹ*

Tổng sản phẩm quốc nội của Mỹ trong thập kỷ vừa qua đã tăng với tỷ lệ bình quân 3,3% một năm, so với mức tăng 2,1% của Liên minh châu Âu. Tuy nhiên, tỷ lệ tăng GDP bình quân đầu người hàng năm thì lại tương đương nhau: 1,8% ở Mỹ và 1,7%

ở EU15. Lĩnh vực quyết định tăng trưởng kinh tế Mỹ cao hơn không phải là các thành quả về sản lượng lớn hơn mà là do dân số tăng nhanh hơn.

Các khác biệt về nhân khẩu học này sẽ có thể cho phép GDP của Mỹ cao hơn so với EU15 trong một vài thập kỷ tới. Tỷ lệ sinh bình quân ở Mỹ là 2,1 đứa trẻ trên mỗi cặp vợ chồng, cao hơn gần 50% so với EU15. Điều này có nghĩa là dân số Mỹ sẽ tăng từ 290 triệu dân hiện nay lên khoảng 370 triệu dân năm 2030, trong khi đó, dân số của EU15 sẽ gần như không thay đổi - 380 triệu người - trong cùng thời điểm.

Một nhân tố thứ hai có liên quan đằng sau các khác biệt về tăng trưởng kinh tế Tây Âu và Mỹ là việc đầu tư tài chính cho trợ cấp hưu trí trong bối cảnh già hoá dân số. "Tỷ số hỗ trợ" - tỷ lệ người công nhân chi trả vào các kế hoạch hưu trí để những người về hưu nhận được các khoản trợ cấp - sẽ nhanh chóng làm xói mòn châu Âu hơn là ở Mỹ, trực tiếp tác động xấu đến cách đóng tiền ngay để có trợ cấp hưu trí. Mặc cho cuộc khủng hoảng về nhân chủng học tiềm tàng này, EU15 vẫn chậm hơn Mỹ trong việc thông qua cách tiếp cận khác: đầu tư cho các trợ cấp hưu trí thông qua việc cấp nhiều tiền cho quỹ lương hưu. Hầu hết các khoản lương hưu ở EU được cơ cấu như các kế hoạch trợ cấp xác định (chứ không phải là các kế hoạch đóng góp xác định), và trừ nước Anh, hầu hết các quỹ này đều được đóng góp bởi

thu nhập của các công ty đang hoạt động. Ngược lại, ở nước Mỹ, các kế hoạch trợ cấp xác định phải được đầu tư bởi các trách nhiệm khác nhau (được duy trì bởi các công ty riêng lẻ) và chúng không giống với các kế hoạch đóng góp xác định (được đầu tư đầy đủ mỗi năm từ các đóng góp của người lao động và chủ lao động).

Một nhân tố thứ ba giải thích cho các khác biệt giữa tăng GDP ở Mỹ và EU15 là sự chênh lệch về số giờ làm việc của mỗi công nhân. Trong 30 năm qua, EU15 đã có nhiều cải thiện đáng kể về sản lượng tương đối (ở Pháp, GDP bình quân theo giờ đã tăng từ 75% lên 105% so với con số của Mỹ), nhưng bình quân GDP đầu người của họ vẫn chỉ bằng 70% so với Mỹ. Thực tế chứng minh rằng số giờ làm việc của các công nhân ở EU, và ở Pháp nói riêng, ít hơn nhiều so với các công nhân Mỹ. Từ 1980, số giờ làm việc bình quân một năm ở Pháp đã thực sự giảm, trong khi tăng nhẹ ở Anh và tăng gần 40% ở Mỹ. Trong cuộc đời, người Mỹ bình thường làm việc nhiều hơn 40% so với người lao động bình thường ở Liên minh châu Âu.

Có nhiều lý do cho sự chênh lệch này. Ở Pháp, cơ quan lập pháp áp đặt một mức làm việc chung tối đa 35 giờ một tuần, và ở các nước EU15 khác như Đức, các nghiệp đoàn cũng đủ mạnh để yêu cầu số giờ làm việc tối đa tương tự (mặc dù gần đây họ bắt đầu dè dặt đi thái độ của mình). Ngược lại, người Mỹ có xu hướng làm việc nhiều hơn và chỉ có các kỳ nghỉ ngắn ngủi. Các nghiệp đoàn Mỹ, với các thành viên giảm đột ngột, đã chú tâm nhiều hơn tới an toàn lao động và bảo vệ các khoản trợ cấp. EU15 tiếp tục xu hướng giảm giờ làm bằng việc cung cấp tiền trợ cấp thất nghiệp rộng rãi (từ một tới hai năm ở EU15, còn ở Mỹ

chỉ có 26 tuần). Tỷ suất thuế biên cao hơn đánh vào thu nhập cũng có khuynh hướng làm giảm giờ làm. Người đạt giải Nobel - Edward Prescott vừa qua cho rằng các mức thuế cao hơn giải thích cho hầu hết các khác biệt về cung lao động trong các giai đoạn và giữa các nước, mặc cho các nhà kinh tế lỗi lạc khác, như Robert Gordon, nghi ngờ các kết luận của ông.

Một nhân tố quan trọng thứ tư đối với tăng GDP, và có liên quan mật thiết đối với tính linh hoạt về lao động, là tính dễ tiếp nhận dân nhập cư. Những người dân nhập cư đã là các nhà đóng góp chính đối với tăng dân số Mỹ. Những người dân nhập cư này thường sẵn sàng làm việc nhiều tiếng đồng hồ với bất cứ công việc nào, họ làm cả những công việc có lương thấp và nắm giữ cả các vị trí công việc có chuyên môn cao. Mỹ đã thành công trong việc thu hút các dòng người nhập cư, trong khi EU15 phải cố gắng hoà nhập người Hồi giáo và những người mới đến từ châu Phi. Hiện nay tỷ lệ phần trăm các công dân sinh ra ở nước ngoài sống trên đất Mỹ cao hơn 10 lần so với ở EU15.

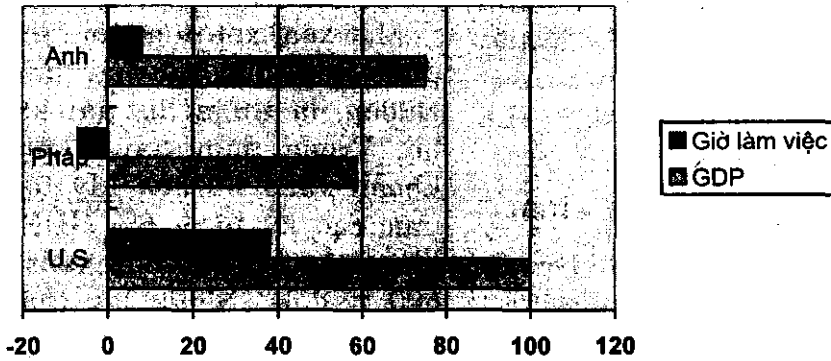
### *Lãi suất giảm*

Mặc cho các thực trạng về nhân khẩu học này, các nhân tố khác - đã định hướng các thành tựu về sản lượng của Mỹ - có thể bắt đầu dẫn đến lãi suất giảm. *Thứ nhất*, mức độ chi tiêu cho quân sự giữa Mỹ và Liên minh châu Âu ngày càng mở rộng. Hiện nay phần trăm dành cho chi tiêu quốc phòng trong GDP ở Mỹ cao hơn 2 đến 3 lần so với ở các nước Liên minh châu Âu. Việc chuyển các nguồn lực kinh tế từ các công ty tư nhân tới các chế độ quan liêu nhà nước có xu hướng làm giảm sản lượng. An ninh

được tăng cường, mặc dù thường là không cần thiết, cũng tác động xấu tới sản lượng: việc khám xét đối với các hành khách đi máy bay gây trở ngại

cho kinh doanh du lịch, và các khám xét đối với hàng hoá nhập khẩu làm cản trở việc sử dụng kịp thời các hàng hoá tồn kho.

### Thay đổi theo phần trăm trong giờ làm việc và GDP:



Nguồn: Michel Camdessus, "Le sursaut: Vers une nouvelle croissance pour la France," Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế, 2004.

Thứ hai, hầu hết các sản lượng đạt được từ việc cho phép phụ nữ tham gia vào lực lượng lao động đã được công nhận ở nước Mỹ, trong khi châu Âu mới chỉ đang bắt đầu gặt hái các lợi ích. Việc nhiều phụ nữ có việc làm hơn đã làm tăng tổng số tiền phải trả cho nhân viên và số giờ làm việc, và đã làm tăng sản lượng bằng việc mang lại các kỹ năng đa dạng đối với vị trí công việc. Ở nước Mỹ, tỷ lệ phần trăm phụ nữ không đi làm tăng tới gần 25% trong năm 2001 sau khi giảm trong vòng nửa thế kỷ. Ở châu Âu, ít nhất ngoài các nước Bắc Âu, người phụ nữ chỉ gần đây mới bắt đầu thích tiếp cận bình đẳng với nhiều công việc và gia nhập nhiều vào lực lượng lao động.

Thứ ba, đầu tư của Mỹ đối với lĩnh vực công nghệ thông tin (IT) (có một vai trò định hướng các thành quả về sản lượng đạt được trong thập kỷ qua) có thể bị giảm đi. Như David Owens ở Ngân hàng Đầu tư Dresdner Kleiwort Wasserstein giải thích, việc đưa thiết

bị IT vào các quá trình kinh doanh đã chiếm phần lớn mức tăng sản lượng gần đây ở các công ty Mỹ. Bởi vì hầu hết các công ty EU đều không nhận thức rõ tiềm năng của IT, hiện họ có thể đạt được các thành quả nhanh chóng bằng việc trở thành "fast followers" của các đối tác Mỹ.

Đầu tư của Mỹ vào các thiết bị có hàm lượng khoa học công nghệ cao được thúc đẩy bởi một nhân tố thứ tư: lãi suất thực tế thấp không bình thường. Hiện nay, lãi suất thực tế ở Mỹ có thể tăng do thâm hụt ngân sách liên bang tăng - đang tăng tới 4% GDP và có thể tăng nhiều hơn nếu như việc cắt giảm thuế của Tổng thống Bush trở nên thường xuyên (dự kiến hết hiệu lực vào năm 2011). (Theo Viện Brookings, thực hiện việc cắt giảm thường xuyên sẽ làm cho Mỹ thâm hụt thêm 1,8 nghìn tỷ đôla trong thập kỷ tới; trong đó, chỉ 500 triệu đôla dành cho các vấn đề chính trị đang tranh cãi bởi vì một số người coi phần chia đó như một "lợi ích cho

sự giàu có"). Mặc dù các thâm hụt gia tăng không tự động dẫn đến lãi suất cao hơn, nhưng chúng đặt ra nhiều áp lực đối với tỷ suất, bởi vì Ngân khố Mỹ phải cạnh tranh với những người đi vay khác để đầu tư vào cùng thời điểm khi vốn đóng góp của tiết kiệm tư nhân ở nước Mỹ ngày càng ít hơn. Tỷ lệ tiết kiệm gia đình có vị trí thấp nhất trong lịch sử (2% GDP), và nợ gia đình của Mỹ đã tăng lên 84% GDP.

### Sản lượng tương đối (Mỹ =100)

	GDP bình quân đầu người		GDP theo giờ		Giờ làm việc của mỗi người	
	1970	2000	1970	2000	1970	2000
Mỹ	100	100	100	100	100	100
EU15	69	70	65	91	101	77
Pháp	73	71	73	105	99	67

*Nguồn: Oliver Blanchard, "The Economic Future of Europe," working paper 10310, National Bureau of Economic Research, 2004.*

Bức tranh của tình trạng tiết kiệm tư nhân và công cộng ở Châu Âu sáng sủa hơn nhiều. Thâm hụt ngân sách bình quân ở các nước EU là 2,6% GDP - mặc cho tất cả sự kiểm soát thắt chặt khi Đức và Pháp đạt tối đa 3%. Tương tự, vốn đóng góp tiết kiệm cá nhân ở châu Âu cao hơn nhiều so với Mỹ. Tỷ lệ tiết kiệm cá nhân bình quân ở châu Âu là 12%, và nợ trong nước của các nước châu Âu chiếm 50% GDP. Kết quả là áp lực trong nước đối với tỷ lệ lãi suất có thể ít đe dọa đối với tỷ lệ tăng trưởng ở đó.

Vì thế, các thành tựu về sản lượng mà Mỹ đạt được gần đây đứng trước các đe dọa lớn: từ các nguồn lực lớn hơn dành cho các vấn đề quốc phòng và an ninh, từ việc giảm lãi suất, từ việc phụ nữ tham gia vào lực lượng lao động, từ việc đạt được ít thành quả qua các khoản đầu tư lớn vào thiết bị IT, và từ các áp lực gia tăng về lãi suất. Về tất cả bốn mặt đó, EU

có một ưu thế hơn: dành ít nguồn lực vào chương trình quốc phòng và an ninh, cải thiện việc tiếp cận của phụ nữ đối với công ăn việc làm, trong khi bắt đầu đưa IT vào các quá trình kinh doanh và ít phải đối mặt với các áp lực về lãi suất.

Một xem xét nữa, với các liên quan phức tạp đến cả hai bờ Đại Tây Dương, là thâm hụt tài khoản vãng lai. Trong năm nay, thâm hụt tài khoản vãng lai của Mỹ tới gần một mức cao kỷ lục - 6% GDP, và nhập khẩu của Mỹ cao hơn xuất khẩu gần 600 tỷ đôla. Ngược lại, thâm hụt tài khoản vãng lai ở hầu hết các nước EU lại tương đối khả quan hơn; trên thực tế, tổng kim ngạch xuất khẩu trong khu vực đồng euro hiện nay cao hơn nhiều so với Mỹ. Sự tương phản này được phản ánh trong giá trị tương đối của các hệ thống tiền tệ của họ: đồng đôla giảm 35% so với đồng euro kể từ năm 2002.

Việc giảm giá đồng đôla sẽ có tác động tổng hợp đối với cả tăng trưởng kinh tế Mỹ và châu Âu. Nó sẽ làm giảm giá thực tế của xuất khẩu Mỹ nhưng cũng làm tăng giá của nhập khẩu Mỹ và tạo ra các áp lực do lạm phát gây ra đối với lãi suất. (Các ngân hàng châu Á, đang cấp tiền cho thâm hụt tài khoản vãng lai bằng việc mua các trái phiếu của Ngân khố Mỹ, cuối cùng sẽ đòi hỏi lãi suất cao hơn để đền bù cho các rủi ro có trong việc nắm giữ các tài sản quy ra đồng đôla của Mỹ.) Trong khi đó, đồng đôla mạnh hơn sẽ tác động tiêu cực đến dòng xuất khẩu của châu Âu tới các nước khác trên thế giới, nhưng nó cũng sẽ có các tác động tích cực đối với việc phân bổ vốn và tính linh hoạt về lao động. Các công ty châu Âu sẽ theo đuổi các chính sách lao động linh hoạt hơn với điều kiện hiện có, như

Siemens vừa làm khi họ thuyết phục Liên bang Đức cộng thêm 5 tiếng đồng hồ vào tuần làm việc mà không phải chi trả thêm lương. Dưới các cải cách của Hartz hiện nay đang được thực hiện ở Đức, khoảng thời gian của các trợ cấp thất nghiệp sẽ giảm từ hai hay ba năm xuống còn một năm đối với các công nhân dưới 55 tuổi và giảm xuống còn 18 tháng đối với các công nhân 55 tuổi trở nên.

### *Ngã ba đường*

Trên tất cả các mặt, sự mở rộng EU vào ngày 1 tháng 5 năm 2004 thể hiện một cơ hội lớn. 75 triệu người ở EU10 có thể đáp ứng tỷ lệ tăng dân số mà Tây Âu cần, đặc biệt các công nhân trẻ tràn vào sẽ hỗ trợ cho thành phần người về hưu ngày càng đông. Các công nhân từ các nước EU10 cũng có thể mang lại nhiều tính linh hoạt cần thiết cho thị trường lao động châu Âu: họ được chuẩn bị để đảm nhiệm các công việc và sẵn sàng làm việc nhiều tiếng đồng hồ. Tỷ lệ tăng sản lượng hàng năm của EU10 đã tăng 4,2% từ giữa năm 1995 và 2003 - gấp hai lần tỷ lệ tăng hàng năm của nước Mỹ và ba lần tỷ lệ tăng hàng năm của EU15 trong cùng thời điểm.

Thật không may, các nước EU15, ngoại trừ nước Anh và Ireland, đã quyết định ngăn cản dòng người nhập cư từ EU10 trong hai năm - với một xác suất cao của việc nối lại một lệnh cấm trong ba năm khác sau đó. Mặc dù sự phản đối dòng nhập cư từ lao động có tổ chức ở EU15 có thể được hiểu là do tỷ lệ thất nghiệp cao, cuối cùng việc đó có thể mang lại kết quả ngược lại. Nếu như các công ty Đức và Pháp cần phải xây dựng các nhà máy,

họ sẽ có nhiều lý do để xây dựng các nhà máy đó ở EU10 thay vì ở trong nước: lao động linh hoạt hơn, thuê đất đai rẻ hơn, và thuế suất thấp hơn. Thực tế, các công ty Đức và Pháp có thể thích chọn các nước EU10 hơn là các địa điểm khác ở Trung Quốc hay Ấn Độ vì tính đa dạng trong cung ứng linh kiện, nhờ chi phí vận chuyển rẻ hơn, thuế quan thấp hơn, và việc thực thi hợp đồng tốt hơn dưới hệ thống luật của EU10. (Một điểm sáng trong bức tranh nhập cư là Anh và Đức ngày càng là điểm đến ưa thích cho các sinh viên tốt nghiệp, chủ yếu do các chính sách nhập cư khắt khe hơn của Mỹ. Phần lớn số sinh viên này sẽ ở lại và có đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế).

Việc mở rộng liên minh châu Âu có khả năng tháo gỡ một số trở ngại lớn đối với phát triển kinh tế châu Âu: tỷ lệ sinh thấp, tỷ lệ hỗ trợ giảm, các thị trường lao động cứng nhắc, không linh hoạt. Ngược lại, nếu EU15 không thể hoà nhập thành công như EU10, họ có thể phải đối mặt với các cản trở tiếp diễn của tình trạng già hoá dân số, một lực lượng lao động linh hoạt, và các vấn đề phức tạp về tiền lương. Hơn nữa, các vấn đề về chính trị và xã hội đặt ra từ việc các công nhân di chuyển từ Đông Âu sang Tây Âu có thể làm tăng các rào cản đối với tăng trưởng. Vì thế Châu Âu nằm ở một điểm chuyển tiếp quan trọng; việc họ sẽ chọn con đường nào thì vẫn còn là vấn đề cần được xem xét ■

*Người dịch: Lê Thị Thu  
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ*

*Nguồn: Foreign Affairs. Volumn 84, N<sup>o</sup>2*